



T7.2.3.1.1.1

## QUY ĐỊNH ĐỐI SẢN PHẨM

Ứng dụng cho các loại săm lốp ô tô, săm lốp xe máy, săm lốp xe đạp, săm lốp máy cày, lốp xe nâng, lốp đắp và yếm ô tô.

STT	LOẠI KHUYẾT TẬT	DIỄN GIẢI	KẾT LUẬN
<p><b>*LỚP Ô TÔ BIAS, RADIAL, LỚP MÁY CÀY</b>  <b>NGUYÊN TẮC XEM XÉT : CĂN CỨ VÀO VẠCH BẢO HÀNH; THỜI GIAN BẢO HÀNH TỐI ĐA : 5 NĂM KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT</b>  <b>*LỚP Ô TÔ CỔ :</b>  <b>NGUYÊN TẮC XEM XÉT: CĂN CỨ VẠCH BẢO HÀNH HOẶC THỜI GIAN BẢO HÀNH TỐI ĐA LÀ 3 NĂM KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT</b></p>			
01	DỘP (Phù)	Lốp bị dộp do chạy trong điều kiện sử dụng không phù hợp (bơm không đúng áp suất, đường xấu, nhiều hơn <b>1 lỗ vá</b> ...) hoặc lốp chạy mòn hết vạch bảo hành.	Không đổi
		Lốp bị u lên hoặc cảm giác mềm, nếu cắt ra chỗ ấy sẽ thấy sự tách lớp giữa vải/vải, vải/cao su hoặc belt thép/cao su.	Đổi khi còn vạch bảo hành
02	NÚT CHÂN GAI	Nứt ở rãnh chân gai, tổng chiều dài các vết nứt $\geq 30\text{mm}$ (đối với lốp vành $\leq 16$ ); $\geq 60\text{mm}$ (đối với lốp vành $> 16$ ) hoặc vết nứt sâu đến vải mảnh/hỗn xung thép.	Đổi khi còn vạch bảo hành
03	NỔ	Vết nổ kèm hiện tượng dộp (đỉnh, hông, bụng lốp) và nhày nhày	Đổi khi còn vạch bảo hành
		Nổ chữ V kèm theo hiện tượng ngay vị trí nổ toàn bộ sợi mảnh bị cháy đen, vón cục, dòn dễ gãy.	Không đổi
		Nổ chữ V sát gót (từ gót đến đường rim line) và không có dấu cạ gót.	Đổi khi còn vạch bảo hành
		Nổ chữ V vùng Rim line và ngay vị trí nổ không có hiện tượng dộp vải hoặc không có vết hằn vải mảnh theo chu vi.	Đổi khi còn vạch bảo hành
		Vết nổ có dấu đám hoặc nổ hông do bị chà xát (cạ hông)	Không đổi
		Nổ chéo, nổ chữ thập, nổ thẳng, nổ chữ V ngoài vùng gót. Nổ ngắn kèm gãy mảnh (vai) theo hướng chu vi (do non hơi)	
04	RÁCH VẢI MÀNH	Nếu không có vết đám, vết cắt hoặc vết cắn do ngoại vật.	Đổi khi còn vạch bảo hành
		Nếu có vết đám, vết cắt hoặc vết cắn do ngoại vật.	Không đổi
		Nứt hở mảnh cục bộ theo chiều sợi không có dấu đám, vết cắt hoặc vết cắn do ngoại vật.	Đổi khi còn vạch bảo hành
05	GÃY MÀNH	Gãy mảnh cục bộ, không bị biến dạng, không dấu đám, lốp không bị mất áp lực.	Đổi khi còn vạch bảo hành
		Gãy mảnh có kèm theo hiện tượng dộp, nổ	Xét theo khuyết tật dộp, nổ
		Gãy mảnh theo chu vi hoặc lốp bị biến dạng, <b><u>lốp có 1 lỗ vá trở lên (bán thép)</u></b>	Không đổi
		Gãy mảnh cục bộ hoặc mảnh thép đâm ra ngoài hông lốp mà lốp không bị mất áp, không có dấu vá, lốp không bị biến dạng và không có vết hằn bên trong lốp.	Đổi khi còn vạch bảo hành



T7.2.3.1.1.1

## QUY ĐỊNH ĐỐI SẢN PHẨM

Ứng dụng cho các loại sảm lốp ô tô, sảm lốp xe máy, sảm lốp xe đạp, sảm lốp máy cày, lốp xe nâng, lốp đắp và yếm ô tô.

STT	LOẠI KHUYẾT TẬT	DIỄN GIẢI	KẾT LUẬN
<p>*LỚP Ô TÔ BIAS, RADIAL, LỚP MÁY CÀY            NGUYÊN TẮC XEM XÉT : CĂN CỨ VÀO VẠCH BẢO HÀNH; THỜI GIAN BẢO HÀNH TỐI ĐA : 5 NĂM KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT            *LỚP ÔTÔ CỔ :            NGUYÊN TẮC XEM XÉT: CĂN CỨ VẠCH BẢO HÀNH HOẶC THỜI GIAN BẢO HÀNH TỐI ĐA LÀ 3 NĂM KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT</p>			
01	DỘP (Phù)	Lốp bị dộp do chạy trong điều kiện sử dụng không phù hợp (bơm không đúng áp suất, đường xấu, nhiều hơn <u>1 lỗ vá</u> ...) hoặc lốp chạy mòn hết vạch bảo hành.	Không đổi
		Lốp bị u lên hoặc cảm giác mềm, nếu cắt ra chỗ ấy sẽ thấy sự tách lớp giữa vải/vải, vải/cao su hoặc belt thép/cao su .	Đổi khi còn vạch bảo hành
02	NÚT CHÂN GAI	Nút ở rãnh chân gai, tổng chiều dài các vết nứt $\geq 30\text{mm}$ (đối với lốp vành $\leq 16$ ); $\geq 60\text{mm}$ (đối với lốp vành $> 16$ ) hoặc vết nứt sâu đến vải mảnh/hỗn xung thép.	Đổi khi còn vạch bảo hành
03	NỔ	Vết nổ kèm hiện tượng dộp (đỉnh, hông, bụng lốp) và nhày, nhày	Đổi khi còn vạch bảo hành
		Nổ chữ V kèm theo hiện tượng ngay vị trí nổ toàn bộ sợi mảnh bị cháy đen, vón cục, dòn dễ gãy.	Không đổi
		Nổ chữ V sát gót (từ gót đến đường rim line) và không có dấu cạ gót.	Đổi khi còn vạch bảo hành
		Nổ chữ V vùng Rim line và ngay vị trí nổ không có hiện tượng dộp vải hoặc không có vết hằn vải mảnh theo chu vi...	Đổi khi còn vạch bảo hành
		Vết nổ có dấu đâm hoặc nổ hông do bị chà sát (cạ hông)	Không đổi
		Nổ chéo, nổ chữ thập, nổ thẳng, nổ chữ V ngoài vùng gót. Nổ ngắn kèm gãy mảnh (vai) theo hướng chu vi (do non hơi)	
04	RÁCH VẢI MÀNH	Nếu không có vết đâm, vết cắt hoặc vết cắn do ngoại vật.	Đổi khi còn vạch bảo hành
		Nếu có vết đâm, vết cắt hoặc vết cắn do ngoại vật.	Không đổi
05	GÃY MÀNH	Nứt hở mảnh cục bộ theo chiều sợi không có dấu đâm, vết cắt hoặc vết cắn do ngoại vật.	Đổi khi còn vạch bảo hành
		Gãy mảnh cục bộ, không bị biến dạng, không dấu đâm, lốp không bị mất áp lực.	Xét theo khuyết tật dộp, nổ
		Gãy mảnh theo chu vi hoặc lốp bị biến dạng, <u>lốp có 1 lỗ vá trở lên (bán thép)</u>	Không đổi
		Gãy mảnh cục bộ hoặc mảnh thép đâm ra ngoài hông lốp mà lốp không bị mất áp, không có dấu vá, lốp không bị biến dạng và không có vết hằn bên trong lốp.	Đổi khi còn vạch bảo hành

06	KHUYẾT TẬT GÓT LỚP	Gót lớp còn nguyên nhưng có một đầu sợi tanh lòi ra.	Đổi khi còn vạch bảo hành
		Gót lớp không bị trầy xước nhưng tanh bị gãy hay bị bung	Đổi khi còn vạch bảo hành
		Gót lớp (tanh) bị dãn hay bị cong do có dấu vết cạy	Không đổi
		Gót lớp có hiện tượng bị bào mòn, phá đứt do mằm, dai	
07	KHUYẾT TẬT KHÁC	Nứt hướng tâm/ nứt hông/ nứt vai, nứt gót do chất cách ly, không do vết cắt, chém . Vết nứt sâu đến vải mảnh hoặc tổng chiều dài các vết nứt $\geq 100\text{mm}$ (đ/v lớp vành $\leq 16$ ), $\geq 200\text{mm}$ (đ/v lớp vành $> 16$ ).	Đổi khi còn vạch bảo hành
		Nứt, hở mối nối mặt lớp .	
		Lớp bị gấp màng hơi, bị khuyết tật ngoại quan	Đổi khi còn vạch bảo hành
		Oval nếu không do vành, không do kết cấu trục xe và lớp còn mới thì chuyển về XN, nếu lớp đã sử dụng.	
		Các dạng bị hỏng do sử dụng không phù hợp (tờ hướng dẫn)	Không đổi ( Trừ trường hợp 4 và 9 )
		Lớp sửa quy cách tăng lên	Không đổi
		Lớp sửa quy cách giảm xuống	Xem xét đổi theo quy định như các lớp khác.
		Lớp bị trùng lắc, lắc giả, mờ số lắc, thiếu chữ số trên lắc hoặc phát hiện tạo khuyết tật giả trên lớp hoặc không có phiếu bảo hành (kể từ 01/03/2009 trở đi sẽ xem xét Phiếu bảo hành)	Không đổi
Lớp chưa qua sử dụng bị dơ, cũ do lưu kho, bảo quản. Lớp lưu quá thời hạn qui định 5 năm kể từ ngày sản xuất.	Không đổi		
<b>LỚP ÔTÔ ĐẮP (mảnh chéo)</b>			
<b>NGUYÊN TẮC XEM XÉT: CĂN CỨ VẠCH BẢO HÀNH; THỜI GIAN BẢO HÀNH TỐI ĐA: 2 NĂM KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT</b>			
01	DỘP (PHÙ)	Lớp bị dộp do chạy trong điều kiện sử dụng không phù hợp (bơm không đúng áp suất, đường xấu...)	Không đổi
		Có sự bong tróc hay phù giữa phần mặt lớp đắp mới và lõi thân lớp cũ	
02	NỨT CHÂN GAI	Nứt ở rãnh chân gai, tổng chiều dài các vết nứt $\geq 60\text{mm}$ (đối với lớp vành $> 16$ ) hoặc vết nứt sâu đến vải mảnh	Đổi khi còn vạch bảo hành
03	NỔ TẠI MẶT LỚP	Vết nổ kèm hiện tượng dộp (đỉnh, vai) hoặc nổ ở vị trí có vá lỗ thủng (xác định được)	
<b>LỚP XE ĐẠP, LỚP XE MÁY (Có săm – không có săm)</b>			
<b>NGUYÊN TẮC XEM XÉT: CĂN CỨ VẠCH BẢO HÀNH; THỜI GIAN BẢO HÀNH TỐI ĐA: 2 NĂM KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT</b>			
01	NGỌAI QUAN	-Lớp bị dính dầu mỡ, đất, cát, chất bẩn...hoặc lớp bị biến dạng do lão hóa hoặc do tồn kho từ 2 năm trở lên.	Không đổi.
02	DỘP (PHÙ)	Lớp bị dộp đỉnh, dộp hông nếu cắt chỗ ấy sẽ thấy sự tách lớp giữa vải/vải hoặc vải/cao su hoặc dộp gót.	Đổi nếu độ sâu gai lớp còn lại trên 2.0mm (LỚP XE ĐẠP) và trên 3.0 mm (LỚP XE MÁY)
03	NỨT	Lớp bị nứt (mặt lớp, hông lớp, gót lớp, có dấu lỗ đinh xâm) do chất cách ly (không phải do vật cắt, chém ).	

04	<b>TẠP CHẤT</b>	Có vật lạ nằm trong lớp (dăm gỗ, mảnh kim loại, cao su chết, ...) do trong quá trình sản xuất bị nhiễm tạp chất, không phải do trong quá trình sử dụng.	Đổi.	
05	<b>KHUYẾT TẬT VẢI MÀNH</b>	Cộtm mỗi nối vải mảnh, đứt lòi sợi chỉ mảnh.	Đổi khi còn vạch bảo hành	
06	<b>KHUYẾT TẬT GÓT LỚP</b>	Gót lớp còn nguyên (không bị trầy sứt ) nhưng có một đầu sợi tanh lòi ra, tanh bị bung hoặc gãy tanh.		
		Gót lớp (tanh) bị dãn, bị cong hoặc có dấu vết cắn cạy		Không đổi
		Gót lớp có hiện tượng bị bào mòn, phá đứt do vành. Gót lớp bị chảy nhão cao su .		Đổi nếu lớp còn mới, chưa sử dụng hoặc ngược lại không đổi.
		Gót lớp ( lớp xe máy tubless) bị xì do không kín hơi (không phải do vành) hoặc thiếu CS trên gót lớp hoặc bị lè gót.	Đổi nếu lớp còn mới hoặc ngược lại không đổi.	
07	<b>LỚP BỊ Ô VAN</b>	Lớp bị ô van đỉnh, ô van hông quá 1.5mm do CS dày mỏng không đều.	Đổi nếu lớp còn mới hoặc ngược lại không đổi.	
08	<b>VẾT CẮN</b>	Lớp có dấu răng gặm nhấm do thú vật (chó, mèo, chuột,...)	Không đổi	
09	<b>LỖ VẠN CHUYỂN</b>	Lớp mới nhưng bị biến dạng hoặc trầy xước do ma sát	Không đổi (Khi nhận hàng, đại lý cần phải kiểm tra lỗ hàng nếu phát hiện khuyết tật trên thì không nhận và làm thủ tục trả về Công Ty)	
10	<b>KHUYẾT TẬT KHÁC</b>	Lớp bị đá chém, vết cắt bên ngoài , <b>có 1 lỗ vá (lớp không có săm)</b>	Không đổi	
<b>LỚP XE NÂNG (Bánh đặc)</b>				
<b>NGUYÊN TẮC XEM XÉT: CĂN CỨ VÀO VẠCH BẢO HÀNH; THỜI GIAN BẢO HÀNH TỐI ĐA: 3 NĂM KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT</b>				
01	<b>NGOẠI QUAN</b>	Lớp mới bị biến dạng: méo mó, ô van, lệch gai,...	Đổi	
02	<b>DỘP (PHÙ)</b>	Lớp có hiện tượng dộp đỉnh, dộp hông hoặc dộp gót nhưng lớp mòn quá 30% gai. Lớp bị phù lên khi lắp vào mâm vành hoặc lớp bị u lên và có cảm giác mềm khi kiểm tra chỗ ấy.	Không đổi	
03	<b>NÚT CHÂN GAI</b>	Nút ở rãnh chân gai, tổng chiều dài các vết nứt $\geq 50\text{mm}$ (đối với lớp vành $\leq 10$ ), $\geq 100\text{mm}$ (đối với lớp vành $> 10$ ).	Đổi	
04	<b>VỠ GAI</b>	Lớp bị vỡ gai từng mảng do cách ly hoặc vỡ gai rải rác trên mặt lớp		
05	<b>NÚT CAO SU</b>	Hông lớp hoặc mặt lớp bị nứt cao su do chất cách ly hoặc do mối nối hoặc bị trượt theo chiều ngang do lớp vải và lớp cao su dán không dính. Hông lớp hoặc mặt lớp bị nứt cao su do nguyên nhân khác như: đá chém, vật cắt,...	Không đổi	
06	<b>KHUYẾT TẬT GÓT LỚP</b>	Gót lớp (không có tanh) bị hông do sử dụng	Không đổi	
		Gót lớp không bị trầy sứt nhưng tanh bị lòi ra hay bị bung sợi tanh.	Đổi	
		Gót lớp do bị mâm, đai bào mòn, phá đứt làm lòi tanh cục bộ hoặc lòi tanh theo chu vi.	Không đổi	
<b>SĂM CÁC LOẠI:</b>				
<b>NGUYÊN TẮC XEM XÉT: THỜI GIAN BẢO HÀNH TỐI ĐA LÀ 2 NĂM KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT</b>				
01	<b>NGOẠI QUAN</b>	-Săm bị dính dầu mỡ, đất, cát, chất bẩn...hoặc săm bị biến dạng do lão hóa hoặc do tồn kho từ 2 năm trở lên.	Không đổi	
02	<b>SĂM CÓ VẾT GẤP NGANG HOẶC GẤP DỌC</b>	Săm bị gấp nếp hoặc nứt theo hướng bán kính hoặc theo hướng chu vi trong quá trình lưu hóa.	Đổi	

03	<b>TẠP CHẤT</b>	Có vật lạ nằm trong thân sấm (cát, dăm gỗ, mảnh kim loại, cao su chết, ...)	Đổi
04	<b>DỘP YẾM</b>	Có bọt khí ở giữa yếm van và thân sấm	Đổi
05	<b>TÉT CHU VI</b>	Sấm bị tét theo hướng chu vi nhưng nếu sấm còn mới không có dấu vết đâm thủng, không có miếng vá.	Đổi Không đổi trường hợp sấm thiếu CS khi ráp sấm lại và bị mất van
06	<b>RÁCH MỐI NỐI</b>	Sấm rách xuất phát từ mối nối	Đổi
07	<b>PHÙ CỤC BỘ</b>	Bơm sấm lên 120% kích thước mà có vị trí phù hơn 20% so với chỗ khác	Đổi
08	<b>SẤM BỊ XÌ DO: LỖ MỌT/ VAN/ THÂN SẤM/ MỐI NỐI / TY</b>	Sấm bị xì từ từ hoặc thử nước phát hiện xì	Đổi
09	<b>BUNG CHÂN VAN/THÂN VAN (TR13)</b>	Lòi <u>đế</u> van dò ra nếu không có dấu hiệu sấm bị lủng, <u>cao su yếm không dính với đế van</u>	Đổi
10	<b>BƠM HƠI KHÔNG VÀO SẤM</b>	Do lỗ yếm chân van hoặc miếng đệm cao su dán lệch vị trí lỗ đục trên thân sấm hoặc do hư ti van, <u>hoặc nứt thân van đồng.</u>	Đổi
11	<b>DÀY MỎNG KHÔNG ĐỀU</b>	Thân sấm có bề dày mỏng không đều 20% ở các vị trí khác nhau.	Đổi
12	<b>VẬT CẮT</b>	Sấm mới nhưng có vết trầy xước hoặc vết cứa rách . Do nguyên nhân khác ( sấm cũ, sấm đã qua sử dụng,...)	Không đổi
13	<b>CÁN CẠY</b>	Sấm có vết cạy làm lủng, rách khi tháo lắp sấm vào lớp.	Không đổi
14	<b>CÁN ĐINH</b>	Sấm có vết lủng rõ ràng do bị cán đinh hoặc bị vật khác đâm hoặc còn dấu vết vá sấm .	Không đổi
15	<b>VẾT CÁN</b>	Sấm có dấu răng gặm nhấm do thú vật (chó, mèo, chuột,)	Không đổi
16	<b>BỂ YẾM VAN</b>	<u>Cao su yếm van vẫn còn dính với đế van</u> <u>Van sấm lắp không thẳng đứng vị trí với vành, xiết không chặt đai ốc</u>	<u>Không đổi</u>
<b>YẾM Ô TÔ:</b>			
<b>NGUYÊN TẮC XEM XÉT :THỜI GIAN BẢO HÀNH TỐI ĐA LÀ 1 NĂM KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT</b>			
01	<b>NGỌAI QUAN</b>	--Yếm bị dính dầu mỡ, đất, cát, chất bẩn...hoặc yếm bị biến dạng do lão hóa hoặc do tồn kho từ <u>1</u> năm trở lên.	Không đổi
02	<b>BỌT KHÍ</b>	Có từ 2 bọt khí trở lên ở một mặt hoặc cả hai mặt yếm : sâu $\geq 1\text{mm}$ và có diện tích mỗi điểm $\geq 2\text{mm}^2$ .	-Yếm còn mới: Đổi.
03	<b>RÁCH YẾM</b>	Cao su thân yếm bị nứt, bị rách ngang hoặc mép yếm bị rách sâu vào trong. Yếm có vết rách do vật cắt/vận chuyển/lưu trữ	-Yếm còn mới : Đổi Không đổi
04	<b>TẠP CHẤT</b>	Có vật lạ ( cát, dăm gỗ, mảnh kim loại, hạt CS tự lưu ...) nằm trong bể mặt yếm tiếp xúc sấm.	-Yếm còn mới: Đổi.
05	<b>DÀY MỎNG MÉP YẾM</b>	Độ dày mỏng chênh lệch ở hai bên mép yếm $\geq 1.5\text{mm}$	Đổi
06	<b>THIẾU CS MÉP YẾM</b>	Mép yếm bị thiếu CS do bị cắt phạm ở một hoặc hai bên sâu quá 10mm.	-Đổi nếu yếm chưa dùng.

Ngày 15.10.2014



KT TỔNG GIÁM ĐỐC  
PTGD. Nguyễn Đình Đông